

Bản án số: 94/2025/HC-PT

Ngày: 20 - 01 - 2025

V/v “*kiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu
hồi, bồi thường đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán:

Ông Chung Văn Kết

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Đàm Lê Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 695/2024/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2024 về “*kiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về thu hồi, bồi thường đất*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 53/2024/HC-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

-Người khởi kiện: Ông Lê Đình H, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Số B N, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1973;

Địa chỉ cư trú: Số A L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Luật sư Nguyễn Thị Diễm H1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (Có mặt).

-Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố V;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V;

Địa chỉ trụ sở: Số H L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

Bà Nguyễn Thị Phương T1 – chức vụ: Chuyên viên Phòng T6. (Có mặt).

Ông Phạm Huy L – chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường thành phố T6 (Có mặt).

Ông Nguyễn Đình B – chức vụ: Phó Chánh văn phòng HĐND thành phố V (Có mặt).

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân Phường I, thành phố V;

Địa chỉ trụ sở: Số A L, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung N – Cán bộ địa chính Phường I, thành phố V (có mặt).

Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Tại đơn khởi kiện ngày 08-12-2023, ông Lê Đình H khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, các nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

+ Hủy toàn bộ Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5327/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Buộc UBND thành phố V ban hành quyết định phê duyệt kinh phí đền bù về đất 6.497,40 m², bồi thường nhà vật kiến trúc, bồi thường bờ đê, bố trí tái định cư và các hỗ trợ khác cho ông Lê Đình H theo đúng quy định.

Ngày 04-4-2024, ông Lê Đình H nộp đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung và Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông H cụ thể như sau:

+ Buộc UBND thành phố V bồi thường toàn bộ phần diện tích đất thu hồi 6.497,40 m², trong đó đất nông nghiệp (nuôi trồng thủy sản) là 6.347.40 m², đất ở là 150 m² theo giá đất ở tính giá đất tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi.

+ Buộc UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông H.

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP.

Ngày 06-5-2024, người khởi kiện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa xác định lại nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cụ thể như sau:

+ Hủy một phần quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại mục A Điều 1 đối phần không bồi thường diện tích 6.497,40 m² đất nông nghiệp.

+ Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 5327/QĐ-UBND ngày 25/08/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu liên quan đến phần không bồi thường diện tích 6.497.4 m² đất nông nghiệp.

+ Buộc UBND thành phố V tiến hành bồi thường quyền sử dụng đất diện tích là 6.497,40 m² theo quy định pháp luật.

Cơ sở khởi kiện như sau:

1.1 Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất như sau:

Năm 1992 gia đình ông Lê Đình H (con trai ông Lê Đình N1) có khai hoang 01 thửa đất với diện tích gần 7 ha quyền sử dụng đất tại khu vực C B để sản xuất nông nghiệp nuôi trồng thủy sản và làm nhà ở. Lúc đầu, gia đình ông H có làm 01 căn nhà tạm để sinh sống và canh tác nuôi trồng thủy sản. Năm 1998, ông Lê Đình N1 có nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn B1 với diện tích đất gần 20.000 m² để làm sản xuất nông nghiệp nuôi trồng thủy sản làm đùng nuôi tôm cá tại Phường I thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi nhận chuyển nhượng đất trên, ông N1 cất thêm 01 căn nhà tạm để sinh sống. Năm 2000, do ảnh hưởng của mưa bão nên gia đình ông N1 sửa chữa và xây dựng thành 2 căn nhà cấp 4 để sinh sống cho đến nay. Khi xây dựng ông N1 bố ông H có báo cho khu phố biết và quá trình xây dựng nhà ở cho đến nay gia đình ông không bị cơ quan chức năng tiến hành xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xây dựng trái phép.

Năm 2003, bố ông là ông Lê Đình N1 cho ông Lê Đình H một phần thửa đất có diện tích gần 31.000 m² thuộc thửa đất trên, trong đó có 01 căn nhà xây cấp 4 để ở trên đất và trực tiếp canh tác nuôi trồng thủy sản.

Năm 2008, UBND thành phố V thu hồi 54.000 m² của gia đình ông Lê Đình N1 làm cảng S B nhưng không bồi thường. 12 hộ dân trong đó có gia đình ông N1 khiếu nại đến UBND tỉnh B. Sau đó, UBND tỉnh B ban hành văn bản hỗ trợ 50% giá đất nông nghiệp cho gia đình ông N1 (trong 12 hộ dân đó có hộ ông Phạm Đức G). Phần đất này do gia đình ông H không hiểu biết nên không khởi kiện. Gia đình ông G khởi kiện thì được Tòa án chấp nhận thể hiện tại hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm.

Trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 do bố ông xây dựng từ năm 2000, ông H đã xây dựng hệ thống đê, cống, đắp bờ để canh tác nuôi trồng thủy hải sản trên đất từ đó đến nay sử dụng ổn định lâu dài cho mục đích sản xuất nông nghiệp nuôi thủy sản, là nguồn sống chính và duy nhất của gia đình cho đến khi bị thu hồi.

Ngày 25/04/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định thu hồi số 1886/QĐ UBND về việc thu hồi diện tích 6.497,40 m² đất tại phường I do ông Lê Đình H đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nạo vét kênh B, thành phố V.

Ngày 25/04/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1896/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Đình H, địa chỉ thu hồi đất: khu Cù Lao B, phường I, do nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nạo vét kênh B, thành phố V. Tại quyết định này, UBND thành phố V không tiến hành bồi thường toàn bộ diện tích 6.497,40 m² thu hồi cho ông H với lý do: Đất do U quản lý.

Không đồng ý với quyết định trên, ông Lê Đình H khiếu nại quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V đến Chủ tịch UBND thành phố V để yêu cầu giải quyết.

Ngày 25/8/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5327/QĐ- UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình H. Tại quyết định này Chủ tịch UBND thành phố V bác toàn bộ nội dung yêu cầu khiếu nại của ông Lê Đình H.

Nhận thấy việc UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 và Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5327/QĐ- UBND ngày 25/8/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Đình H là vi phạm các quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Bởi các lý do sau:

Thứ nhất: Có căn cứ xác định ông Lê Đình H sử dụng quyền sử dụng đất diện tích 6.497,40 m² bị thu hồi từ thời điểm trước ngày 01/7/2004 và là người trực tiếp sử dụng đất ổn định cho đến nay vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Căn cứ vào những chứng cứ sau:

- Biên bản giải quyết khiếu nại bị đắp chặn nguồn nước vào đùng nuôi tôm do U xác nhận ngày 02/5/1998 có tên ông Lê Đình N1 (bố ông Lê Đình H);
- Sổ thu các loại quỹ của U lập năm 1998 để thu quỹ đối với ông Lê Đình N1;
- Giấy xác nhận tạm trú lập ngày 25/8/2008 của Công an P, xác nhận ông Lê Đình N1 sinh sống tại đất và có tạm trú từ tháng 11/2003.
- Biên bản số 12/BB-UB ngày 18/6/2008 của UBND phường I xác nhận: “ Đất do nhà nước quản lý, năm 1993 ông Lê Đình N1 tự ý chiếm dụng làm đùng nuôi tôm”
- Báo cáo số 5162/BC-UBND ngày 27/10/2022 của U cũng xác định Ông Lê Đình N1 sử dụng đất từ năm 1998;
- Báo cáo 1452/BC-UBND ngày 30/10/2023 của U xác nhận sử dụng đất từ 1998, không bị lập BB vi phạm hành chính;
- Tại công văn số 392/UBND -ĐCXD ngày 27/3/2024 của U xác nhận ông N1 sử dụng đất trước 1993 và là người trực tiếp canh tác trên đất.

Từ những chứng cứ trên, áp dụng khoản 5, Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Xác định, mặc dù diện tích đất 6.497,40 m² của ông Lê Đình H đang sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng diện tích quyền sử dụng đất này đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của Luật Đất đai 2013 cho nên đủ điều kiện được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.

Giả sử trường hợp diện tích đất trên của ông Lê Đình H là đất nhà nước quản lý không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng căn cứ khoản 2, điều 77, Luật đất đai năm 2013 quy định:

2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà hộ gia đình là cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định của luật này thì được bồi thường với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không được vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại điều 129 của Luật này;

Trong trường hợp này ông Lê Đình H được xác định sử dụng đất trước thời điểm 01/7/2004, là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Vậy ông Lê Đình H đủ điều kiện được bồi thường đôi khi nhà nước thu hồi đối với diện tích 6.497,5 m² của ông Lê Đình H.

Thứ hai: Quá trình sử dụng đất từ trước đến nay ông Lê Đình H không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt hành chính về vi phạm đất đai đối với hành vi lấn chiếm đất của nhà nước.

Thứ ba: Việc UBND thành phố cho rằng diện tích 6.497,40 m² bị thu hồi của ông Lê Đình H theo sổ mục kê năm 1991 thể hiện do U đứng tên, loại đất Hg/b và S mục kê năm 2004 thửa đất trên thuộc một phần thửa số 20, 04, 03 tờ 101, 06, 100 không có người kê khai, đăng ký sử dụng để cho rằng là đất của U quản lý nên không tiến hành không bồi thường khi thu hồi đất là hoàn toàn không có cơ sở, vi phạm các quy định của pháp luật.

Bởi vì: Việc sử dụng đất của ông Lê Đình H và Lê Đình N1 được xác định là trước năm 1998, tại thời điểm này Luật đất đai năm 1993 đang có hiệu lực; tại Điều 72, Luật đất đai 1993 quy định:

“Đất chưa sử dụng là đất chưa có đủ điều kiện hoặc chưa được xác định để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp; chưa được xác định là đất khu dân cư nông thôn, đô thị, chuyên dùng và Nhà nước chưa giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng ổn định lâu dài.

Chính phủ lập quy hoạch, kế hoạch và có chính sách khuyến khích tạo điều kiện để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân cải tạo đất để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và các mục đích thích hợp khác.”

- Tại Điều 11 Quyết định 327-CT ngày 15/10/1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định: *“ Nhà nước khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp... và các hộ tư nhân, kể cả liên doanh giữa công ty hoặc tư nhân với nước ngoài đầu tư vào việc trồng trọt, chăn nuôi ở vùng đất mới; các đơn vị kinh tế này được xét cho sử dụng đất trồng, đồi trọc, bãi bồi ven biển, mặt nước phù hợp với quỹ đất ở từng vùng và khả năng đầu tư của từng doanh nghiệp, dưới nhiều hình thức như đồn điền, trang trại, v.v.. kể cả cho tư nhân liên doanh với nước ngoài”*

Như vậy việc sử dụng đất Hg/b (đất hoang bằng) của ông Lê Đình H được pháp luật khuyến khích người dân, doanh nghiệp đưa vào sử dụng để tạo ra sản phẩm cho xã hội.

Hơn nữa việc UBND thành phố V căn cứ vào sổ mục kê lập năm 1991, 2004 đối với thửa đất trên để xác lập chủ sử dụng đất là đất nhà nước là hoàn toàn không hợp lý:

Việc UBND Phường 9 ghi trong sổ mục kê năm 1991, 2004 đối với thửa đất mà ông Lê Đình H sử dụng là sai quy định của pháp luật. Việc đăng ký vào sổ mục kê là trách nhiệm của UBND phường, không phải do người dân tự ghi vào mà phải do cán bộ có thẩm quyền trực tiếp thống kê xác nhận và ghi vào.

Theo công văn số 1568/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 25/4/2007 của Bộ T7, xác định *“ Sổ mục kê đất cũng không được coi là một trong các giấy tờ về quyền sử*

dụng đất quy định tại khoản 1, điều 50 của Luật đất đai 2003; Và cũng theo khoản 1, điều 20 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T7.

Do đó, việc U kê khai sổ mục kê là để phục vụ công tác quản lý hành chính nhà nước tại địa phương chứ không phải là đăng ký sử dụng đất theo Luật vì UBND Phường 9 không được giao đất theo quy định nên không phải là chủ sử dụng đất.

Từ những căn cứ trên, xác định sổ mục kê không phải là căn cứ để xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp cho người đăng ký sổ mục kê. Việc UBND phường I, UBND thành phố V căn cứ vào sổ mục kê 1991, 2004 để cho rằng diện tích thửa đất trên là đất của UBND phường I quản lý để không bồi thường khi thu hồi đất cho ông Lê Đình N1 là hoàn toàn không có cơ sở.

Thứ tư: Cùng nguồn gốc sử dụng đất, cùng nằm trong cùng thửa đất trên và nằm trong danh sách các hộ dân khiếu nại do bị thu hồi, cạnh thửa đất ông N1 đang khởi kiện có trường hợp ông Phạm Đức G đã được TAND hai cấp tuyên bằng bản án đã có hiệu lực đó là bản án số 11/2023/HC-ST ngày 16/2/2023 của TAND tỉnh BRVT và bản án số 609/2023/HC-PT ngày 31/7/2023 của TAND cấp cao tại TP HCM. Cả hai bản án này đều tuyên: Buộc UBND thành phố V phải tiến hành bồi thường đất cho ông Phạm Đức G.

Nay ông Lê Đình H khởi kiện, đề nghị TAND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử theo hướng:

- *Hủy bỏ một phần Quyết định số 1896/QĐ- UBND ngày 25/4/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư ông Lê Đình N1,*

- *Hủy bỏ một phần Quyết định số: 5327/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Lê Đình H liên quan đến phần không bồi thường 6.497,40 m² đất nông nghiệp.*

- *Buộc UBND huyện thành phố V phải tiến hành bồi thường toàn bộ diện tích 6.497,40 m².*

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất trình bày:

Tại Văn bản ý kiến số 1970/UBND-TNMT ngày 08/3/2024, người bị kiện trình bày ý kiến như sau:

Xét Báo cáo số 952/BC-TNMT ngày 28/02/2024 của Phòng T6, UBND thành phố V cung cấp tài liệu, chứng cứ và nêu quan điểm giải quyết đối với nội dung khởi kiện của ông Lê Đình H như sau:

- Theo Điều 47 Luật Đất đai năm 1987 quy định:

“Đất chưa sử dụng là đất chưa được xác định để dùng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, khu dân cư, chuyên dùng và Nhà nước chưa giao cho ai sử dụng ổn định, lâu dài.”

- Theo khoản 2 Điều 18 Luật Đất đai năm 1987 quy định:

“2. Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn và Ủy ban nhân dân xã thuộc huyện lập, giữ sổ địa chính, vào sổ địa chính cho người sử dụng đất và tự mình đăng ký đất chưa sử dụng vào sổ địa chính”.

- Theo Điều 49 Luật Đất đai năm 1993 quy định:

“Đất bãi bồi của sông thuộc địa phận xã nào thì do Ủy ban nhân dân xã đó quản lý và trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định kế hoạch sử dụng. Trong trường hợp có tranh chấp thì trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Luật này quyết định”.

- Theo Điều 72 Luật Đất đai năm 1993 quy định:

“Đất chưa sử dụng là đất chưa có đủ điều kiện hoặc chưa được xác định để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp; chưa được xác định là khu đất dân cư nông thôn, đô thị, chuyên dùng và Nhà nước chưa giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào sử dụng ổn định lâu dài”.

- Theo Điều 80 Luật Đất đai năm 2003 quy định:

“1. Đất bãi bồi ven sông, ven biển bao gồm đất bãi bồi ven sông, đất cù lao trên sông, đất bãi bồi ven biển và đất cù lao trên biển.

2. Đất bãi bồi ven sông, ven biển thuộc địa phận xã, phường, thị trấn nào thì do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đó quản lý”.

Tại khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2003 quy định:

“1. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính.”

Như vậy, khu vực Cù Lao B trước năm 1993 là đất bãi bồi ven sông, ven biển, rừng ngập mặn, là đất nhà nước quản lý, chưa đưa vào sử dụng, do đó, việc UBND Phường 9 kê khai để quản lý tại hồ sơ địa chính (sổ mục kê, sổ đăng ký ruộng đất, bản đồ địa chính,...) là đúng quy định pháp luật.

Việc sử dụng đất của một số hộ dân trong đó có ông Lê Đình H là do tự ý lấn chiếm, sang nhượng bất hợp pháp đất nhà nước chưa sử dụng, không kê khai, không thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai, ông H không cung cấp được các chứng cứ sử dụng đất theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Do đó, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1896/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Lê Đình H, địa chỉ thu hồi đất: Khu C, Phường I (địa chỉ liên hệ: C đường P, Phường I, thành phố V) do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nạo vét kênh B, thành phố V, theo đó nội dung “*Không bồi thường, hỗ trợ giá trị quyền sử dụng đất*” tại mục A/phần 1 điều 1 và nội dung “*Không bồi thường nhà, vật kiến trúc*” tại mục C/phần 1 Điều 1 của Quyết định này là đúng quy định pháp luật.

Ông Lê Đình H khiếu nại Quyết định số 1886/QĐ-UBND và Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND thành phố V nhưng không đưa ra được các chứng cứ sử dụng đất hợp pháp, đã được Chủ tịch UBND thành phố V giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 là đảm bảo quyền lợi theo quy định pháp luật. Do đó, việc ông Lê Đình H yêu cầu hủy Quyết định số 5627/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 là không có cơ sở giải quyết.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Thông báo về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung của người khởi kiện thì UBND thành phố V sửa đổi, bổ sung ý kiến như sau:

Ông Lê Đình H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy một phần quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại mục A Điều 1 đối phần không bồi thường diện tích 6.497,40 m² đất nông nghiệp.

+ Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5327/QĐ-UBND ngày 25/08/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Buộc UBND thành phố V tiến hành bồi thường quyền sử dụng đất diện tích là 6.497,40 m² theo quy định pháp luật.

Quan điểm của UBND thành phố V như sau:

- Theo thông tin hồ sơ địa chính năm 2004: Diện tích thu hồi 6.497,4m² thuộc một phần thửa đất số 20, tờ số 101, tại Sổ mục kê, Sổ địa chính không có tên người sử dụng, quản lý.

- Theo thông tin hồ sơ địa chính năm 1991: Diện tích thu hồi 6.497,4m² thuộc thửa đất số 02, tờ số 05 do UBND phường I kê khai đăng ký với diện tích 1.261.500,0m² được Ban Q phê duyệt ngày 02/12/1991.

Như vậy, khu vực Cù Lao B trước năm 1993 là đất bãi bồi ven sông, ven biển, rừng ngập mặn, là đất nhà nước quản lý (U đã kê khai tại Sổ mục kê ruộng đất năm 1991), là đất nhà nước chưa đưa vào sử dụng. Việc sử dụng đất của một số hộ dân trong đó có ông Lê Đình H là do tự ý lấn chiếm, sang nhượng bất hợp

pháp, không được cho phép kê khai nhưng vẫn cố tình chiếm dụng, không có chứng cứ sử dụng đất chứng minh mục đích sử dụng đất theo Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, không có cơ sở xem xét bồi thường diện tích 6.497,4m² trong đó có 150m² đất ở và 6.347,4m² đất nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H.

Từ phân tích viện dẫn trên, đối chiếu quy định pháp luật, không có cơ sở xem xét giao tái định cư và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho ông Lê Đình H.

Do đó, UBND thành phố V đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện bổ sung của ông Lê Đình H.

Người người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: U và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thống nhất trình bày:

U nhận được Thông báo số 11/2024/TLST-HC ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm “Khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường đất”. Người khởi kiện: Ông Lê Đình H, sinh năm 1983, địa chỉ số B N, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, ông Lê Đình H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất. - Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5624/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Buộc UBND thành phố V ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường về đất 6.347.4 m², bồi thường nhà, vật kiến trúc, bờ đê, bố trí tái định cư và hỗ trợ khác cho ông Lê Đình H theo đúng quy định.

Sau khi rà soát hồ sơ vụ việc, UBND Phường 9 cung cấp tài liệu, chứng cứ và nêu quan điểm giải quyết đối với nội dung khởi kiện của ông Lê Đình H như sau:

Về tài liệu chứng cứ:

1. Trích biên bản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 23/12/2021 của U;

2. Sổ mục kê ruộng đất Phường I (cũ) được Bản Quản lý đất đai tỉnh B phê duyệt ngày 12/12/1991.

Quan điểm giải quyết: Khu vực Cù Lao B trước năm 1993 là đất bãi bồi ven sông, ven biển, rừng ngập mặn, là đất nhà nước quản lý, chưa đưa vào sử dụng, do đó UBND Phường 9 kê khai để quản lý tại hồ sơ địa chính (sổ mục kê,

sổ đăng ký ruộng đất, bản đồ địa chính,...) để quản lý. Một số hộ dân trong đó có ông Lê Đình H là do tự ý sử dụng, không kê khai, không thực hiện nghĩa vụ tài chính với cơ quan nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật về sử dụng đất đai.

Do đó, UBND Phường 9 Trích biên bản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 02/12/2021 theo đó nội dung “Đất Nhà nước quản lý, không đủ điều kiện bồi thường về đất” là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, UBND thấy ông Lê Đình H là người thực tế đang trực tiếp sinh sống và canh tác trên phần diện tích bị thu hồi. UBND phường kiến nghị xem xét, vận dụng các điều khoản trong luật cho phép để hỗ trợ cho ông Lê Đình H. UBND có ý kiến đối với nội dung đơn khởi kiện của ông Lê Đình H như trên đề Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu biết, giải quyết vụ việc theo thẩm quyền.

*** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 53/2024/HC-ST ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 ; điểm b khoản 1 Điều 143, Điều 144; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ khoản 2 Điều 77; khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và Điều 21 Nghị định 43 của Chính phủ ngày 15-5-2014 hướng dẫn thi hành luật đất đai.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

[1] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông H và yêu cầu UBND thành phố V bồi thường 150 m² đất ở trong tổng diện tích 6.497,4 m² đất trên; yêu cầu UBND thành phố V phải hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H yêu cầu hủy các quyết định sau:

Hủy một phần quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại mục A Điều 1 đối phần không bồi thường diện tích 6.497,4 m² đất nông nghiệp

Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 5327/QĐ-UBND ngày 25/08/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu liên quan đến phần không bồi thường diện tích 6.497,4 m².

Buộc UBND thành phố V tiến hành bồi thường quyền sử dụng đất diện tích là 6.497,4 m² cho ông Lê Đình H theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo vụ án theo luật định

Ngày 02/7/2024, người bị kiện là UBND thành phố V có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vì những căn cứ sau:

Đại diện ủy quyền của ông Lê Đình H cho rằng ông H được ông N1 tặng cho diện tích đất 31.000m² trong diện tích 90.000m² (gồm 70.000m² khai hoang và 20.000m² nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn B1 năm 1998 (Hồ sơ không thể hiện ông N1 khai hoang, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước diện tích 70.000m², không có họa đồ về tứ cận của 02 diện tích 70.000m² và 20.000m² nêu trên. Đồng thời, không có tài liệu xác định diện tích 6.497,4m² đất hiện nay Nhà nước thu hồi có thuộc một trong hai diện tích đất trên hay không. Ông N1, ông H không cung cấp được thông tin ông Võ Văn B1 là ai. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ các nội dung này.

Theo hồ sơ địa chính 3 cấp đang quản lý, sử dụng thể hiện Bản đồ địa chính năm 1991 và tại sổ mục kê ruộng đất phường I (cũ) được Ban quản lý đất đai tỉnh phê duyệt ngày 02/9/1991 thì diện tích đất 6.497,4m² bị thu hồi thuộc thửa số 02 tờ bản đồ 05 do UBND phường 9 kê khai đăng ký với diện tích 1.261.500m² loại đất “Hg”. Căn cứ Điều 80, 103 Luật đất đai năm 2003 thì khu vực Cù lao B trước năm 1993 là đất bãi bồi ven sông, ven biển, rừng ngập mặn là đất nhà nước chưa đưa vào sử dụng, do UBND phường I kê khai quản lý.

Như vậy đất 6.497,4m² nêu trên bị thu hồi là không đủ điều kiện được bồi thường về đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/11/2024:

Người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và các đương sự khác đề nghị Hội đồng xét xử vụ án theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện là ông Phạm Hồng T xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ đúng pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện cung cấp một số tài liệu mới gồm bản đồ, một số quyết định có liên quan và cho rằng UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 169/QĐ-UB ngày 17/4/1990 tạm giao 50 ha cho

công ty I và Công ty I đã bồi hoàn cho người dân đầy đủ, tuy nhiên chưa cung cấp được chứng từ thể hiện đã chi trả tiền bồi thường. Bản đồ quy hoạch đã được chủ tịch UBND tỉnh B phê duyệt tại quyết định số 169.

Hội đồng xét xử quyết định tạm dừng phiên tòa để phía người bị kiện cung cấp tài liệu, chứng từ thể hiện đã bồi hoàn 50ha đất cho các hộ dân có đùng nuôi tôm tại đây.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 17/12/2024 (tiếp theo phiên tòa tạm dừng ngày 28/11/2024); người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện xác định chưa cung cấp được chứng từ thể hiện Công ty I đã bồi thường cho người dân trong 50ha thu hồi. UBND thành phố V có văn bản xin tiếp tục hoãn phiên tòa 30 ngày để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ.

Hội đồng xét xử quyết hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/01/2025 phía người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu:

Các chứng cứ có tại hồ sơ và thẩm vấn tại phiên tòa có căn cứ kết luận phần đất thu hồi của ông N1 là đất do nhà nước quản lý, nằm trong sổ mục kê do UBND phường I kê khai, hơn nữa phần đất này thuộc diện tích 50 ha mà ủy ban tỉnh đã tạm giao cho Công ty I theo Quyết định số 169/QĐ.UB ngày 17/4/1990 của UBND Đặc khu V và công ty đã bồi thường cho các hộ dân xong nhưng trong danh sách không có tên ông N1, ông H chứng tỏ không sử dụng đất, không kê khai đăng ký và đến ngày 20/4/1994 UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 741/QĐ-UBT thu hồi 50 ha đất tại Cù lao B phường I thành phố V trước đây đã tạm giao cho Công ty I theo Quyết định 169/QĐ-UB để đưa vào sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất của tỉnh. Ông N1 cho rằng đất do ông khai hoang và mua lại của ông B1 nhưng trong hồ sơ không rõ ông B1 là ai và vị trí đất của ông N1 không rõ ràng, do đó không có căn cứ xác định ông N1 cho ông H đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và thẩm tra tại phiên tòa thì có cơ sở kết luận phần đất của ông N1 có nguồn gốc rõ ràng và sử dụng ổn định sau đó ông N1 chia đất cho con là ông H, do đó khi thu hồi đất thì UBND thành phố V phải có trách nhiệm bồi thường cho ông H nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND thành phố V và giữ nguyên Bản án sơ thẩm. (có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người bị kiện đúng về hình thức, nội dung, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo hợp lệ. Được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về đối tượng khởi kiện, về thẩm quyền xét xử, về thời hiệu khởi kiện như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng quy định pháp Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người bị kiện, thấy rằng:

[2.1] Để thực hiện công trình dự án đầu tư xây dựng nạo vét kênh B, thành phố V nên ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1886/QĐ-UBND thu hồi đất 6.497,4m² đất tại phường I do ông Lê Đình H sử dụng và tại Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất xác định diện tích đất 6.497,4m² nêu trên thuộc thửa số 35/1, 34, 32 tờ bản đồ THĐ 2 không đủ điều kiện bồi thường do lấn chiếm đất Nhà nước quản lý theo Điều 82 Luật đất đai năm 2013. Ngày 19/6/2023 ông H khiếu nại, ngày 25/8/2023 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5327/QĐ-UBND với nội dung bác toàn bộ khiếu nại của ông H.

[2.2] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất 6.497,4m² thuộc thửa số 35/1, 34, 32 tờ bản đồ THĐ 2 (thuộc thửa đất số 20, 15 tờ bản đồ số 101 bản đồ địa chính phường I):

[2.2.1] Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Đình N1 xác định diện tích đất nêu trên nằm trong tổng diện tích đất 90.000m² của ông bao gồm 70.000m² khai hoang năm 1992 và 20.000m² nhận chuyển nhượng năm 1998 từ ông Võ Văn B1. Căn cứ bảng kiến nghị xử lý việc sử dụng đất của các hộ trên khu vực Cù lao B (theo báo cáo số 105 ngày 29/11/2002 của Phòng Kinh tế -UBND thành phố V) thể hiện ông N1 sử dụng diện tích 64.245m² đất sang nhượng không hợp pháp và đất lấn chiếm trong đó sang nhượng 20.000m², lấn chiếm 44.245m² năm 1998 tạo đùng nuôi thủy sản, cất 02 nhà tạm. Nội dung này phù hợp với phiếu chuyển ngày 07/3/1991 của U - Côn Đảo chuyển đơn của ông Võ Văn B1 yêu cầu bồi thường đùng tại làng cá (B) đến Công ty Đ1 cá Bến Đình V và giấy tay

sang nhượng phần đùng Bà Mụ Làng cá -B ngày 13/6/1998 có nội dung ông Võ Văn B1 sang nhượng cho vợ chồng ông Lê Văn N2 bà Trần Thị L1 diện tích 20.000m² phần đùng Bà Mụ với giá 48.000.000 đồng, giấy sang nhượng có 03 người làm chứng gồm các ông Võ Tiến T2, Phạm Văn T3 và Nguyễn Hữu Đ. Ngoài ra, theo Biên bản việc giải quyết khiếu nại bị đắp chặn nguồn nước vào đùng nuôi tôm của U ngày 02/5/1998 có nội dung xác nhận ông Vũ Văn S1 (Vũ Thanh S2) cùng các ông Lê Đình N1, Lê Đình T4 thay mặt cho 10 hộ nuôi trồng hải sản khu A, Phường I để giải quyết, hoà giải với ông Đình Văn T5; giao cho ông T5 5.000.000 đồng là tiền thiện chí trợ giúp của 10 hộ gia đình vào phí xây dựng đập, từ ngày hôm nay trở đi bên xây dựng đập trái phép không còn can dự gì đập cũ nữa. Biên bản này có xác nhận của các cơ quan ban ngành cơ sở gồm Ủy ban mặt trận tổ quốc, Hội nông dân, Công an phường và U. Đến ngày 10/5/2003 ông N1 lập biên bản hợp gia đình và cho con trai Lê Đình H diện tích đất 31.000m².

[2.2.2] Theo văn bản số 1668/UBND ngày ngày 26/11/2021 của UBND phường I trả lời đơn của ông H thể hiện ông bị thu hồi 02 diện tích đất thuộc thửa 20, 15 bản đồ địa chính phường I gồm 6.497,4m² để thực hiện dự án nạo vét kênh B và 15.334,3m² thuộc Dự án Khu đô thị S B, đất này hiện ông H đang sinh sống và nuôi trồng thủy sản. Văn bản số 188/PKT-TS ngày 10/6/2022 của Phòng Kinh Tế - UBND thành phố V xác nhận hộ ông Lê Đình H, phường I, thành phố V đang sử dụng đùng nuôi Tôm Sú - Hình thức nuôi: Quảng canh cải tiến. Giấy xác nhận tạm trú lập ngày 29/5/2020 của Công an P, xác nhận hộ gia đình ông Lê Đình H hiện đang sinh sống tại đất làm đùng nuôi trồng hải sản. Biên bản kiểm đếm, thống kê về nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất ngày 14/10/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/01/2024 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện đất của ông H tọa lạc tại C B -Phường I, thành phố V; trên đất có 01 căn nhà cấp 4 tường gạch, mái tôn, xà gồ gỗ nền gạch men, trên đất có một số loại cây đước, dừa, mít và các đùng nuôi tôm.

[2.3] Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận ông Lê Đình N1 có tổng diện tích đất khoảng 90.000m², bao gồm 70.000m² khai hoang năm 1992 và 20.000m² nhận chuyển nhượng năm 1998 từ ông Võ Văn B1. Đến năm 2003 ông cho con trai ông là Lê Đình H khoảng 31.000m² và ông H tiếp tục sử dụng để nuôi trồng thủy sản cho đến khi nhà nước thu hồi bằng quyết định 1886/QĐ-UBND nêu trên. Căn cứ Văn bản số 5949/UBND – TNMT ngày 12/10/2018 của UBND thành phố V khẳng định “ Như vậy các hộ gia đình cá nhân nêu trên thực tế có quá trình quản lý, tôn tạo, bảo vệ, sử dụng từ trước thời điểm UBND thành phố V thành lập Đoàn kiểm tra (năm 2002), trên đất các hộ đã xây dựng nhà tạm từ trước năm 2000; đây không phải là khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, tại thời điểm thu hồi đất áp dụng quy định tại Nghị định số

84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 (đang có hiệu lực) thì việc sử dụng của các hộ không vi phạm quy định tại Khoản 4, Điều 14 Nghị định 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Như vậy, có căn cứ để xác định phần diện tích 6.947,4m² thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 5 gia đình ông N1 khai hoang và nhận chuyển nhượng của ông B1 để canh tác nuôi trồng thủy sản từ năm 1992 và đến năm 2003 thì ông H được cha chia đất và tiếp tục sử dụng đến nay, quá trình sử dụng không bị cơ quan nhà nước nào xử phạt vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai. Hộ gia đình ông H đã sử dụng ổn định liên tục vào một mục đích nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

[2.4] Theo hồ sơ địa chính của Phường I (cũ) duyệt ngày 07/12/1991: Phần diện tích đất của ông Lê Đình H nằm trong diện tích 1.261.500m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 05. Theo sổ Mục kê ruộng đất Phường I (cũ) xác nhận ngày 12/12/1991: Tại mục tên chủ sử dụng ruộng đất: “UBND Phường 9” (cũ), loại đất “Hg” (đất chưa sử dụng).

Tại sổ mục kê năm 2004: không ghi tên người sử dụng đất; không ghi số tờ, số thửa chỉ ghi diện tích 42.985,7.

Tại Bản đồ địa chính năm 2004, diện tích 6.497,4m² thuộc thửa 20, tờ số 101, diện tích 21.326,2m² loại đất “Ao.t”, tại Sổ địa chính không ghi tên người sử dụng.

Căn công văn số 1568/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 25/4/2007 của Bộ T7, xác định "Sổ mục kê đất cũng không được coi là một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, điều 50 của Luật đất đai 2003; Khoản 1, điều 20 Thông tư 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T7, thì S mục kê không phải là căn cứ xác lập quyền sử dụng đất theo Điều 100, Luật Đất đai 2013.

Căn cứ khoản 2 Điều 77 Luật đất đai năm 2003 quy định:

“ Điều 77. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân

1. ...

2. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 của Luật này.”

[2.5] Ngoài ra, đối với khu vực đất C - B đã có nhiều trường hợp về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất như của ông Lê Đình N1 đã được giải quyết bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp nuôi trồng thủy sản. Cụ thể tại Báo cáo kết luận số 1532/BC-TTCTP ngày 17/6/2016 của Thanh tra Chính phủ về kiểm tra, xác minh khiếu nại của ông Phạm Ngọc D đã nêu rõ: ngày 04/3/1990, Chủ tịch UBND Đặc khu V - Côn Đảo chỉ “ký tắt” duyệt trên bản đồ quy hoạch khu vực C – Bến đình (tổng diện tích khoảng 402 ha) chứ chưa ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch, Quyết định 169/QĐ-UB ngày 17/4/1990 của UBND Đặc khu V - Côn Đảo tạm giao đất cho Công ty I diện tích 50 ha là vượt quá thẩm quyền và trái với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Luật đất đai ngày 29/12/1987 và ngày 24/9/2008, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Bản án hành chính phúc thẩm số 31/2008/HC-PT tuyên xử: Hủy Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 18/4/2007 và Quyết định số 4678/QĐ-UBND ngày 21/12/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh B và giao UBND tỉnh B giải quyết lại việc bồi thường cho ông D khi thu hồi đất theo quy định của pháp luật hiện hành. Sau đó UBND tỉnh B có công văn gửi Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có Công văn số 2914/VKSTC-V12 ngày 11/9/2009 và Tòa án nhân dân tối cao có công văn số 155/TANDTC-HC ngày 11/8/2010 trả lời UBND tỉnh B, với nội dung: không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án số 31/2008/HC-PT nêu trên của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Với các chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của UBND thành phố V và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của UBND thành phố V và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của người bị kiện không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số

53/2024/HC-ST ngày 06/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ khoản 2 Điều 77; khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và Điều 21 Nghị định 43 của Chính phủ ngày 15-5-2014 hướng dẫn thi hành luật đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND thành phố V phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thêm 01 lô đất tái định cư cho gia đình ông H và yêu cầu UBND thành phố V bồi thường 150 m² đất ở trong tổng diện tích 6.497,4 m² đất trên; yêu cầu UBND thành phố V phải hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình H yêu cầu hủy các quyết định sau:

2.1 Hủy một phần quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 của UBND thành phố V về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại mục A Điều 1 đối phần không bồi thường diện tích 6.497,4 m² đất nông nghiệp

2.2 Hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 5327/QĐ-UBND ngày 25/08/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu liên quan đến phần không bồi thường diện tích 6.497,4 m².

3. Buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ tiến hành bồi thường quyền sử dụng đất diện tích là 6.497,4 m² cho ông Lê Đình H theo quy định pháp luật.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng. Ông H tự nguyện chịu và đã nộp xong.

5. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V mỗi người phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông H tiền án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 167 ngày 25-12-2023 của Cục thi hành án tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 300.000đ, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 000579 ngày 09-7-2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào phần

án phí phải chịu (đã nộp xong).

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu VP (3), HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh